**Ngày soạn: 12/12/2024**

**Tiết 61**

**Đọc văn bản 3 : CHÙM CA DAO TRÀO PHÚNG**

Thời gian thực hiện

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Ngày, tháng, năm* | *Lớp* | *Số học sinh tham gia* |
|  | *8B* |  |

**I. MỤC TIÊU**

1. **Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Những bài ca dao trào phúng kết nối với chủ dề bài học sẽ cho em hiểu rõ hơn ý nghĩa phong phú và biểu hiên đa dạng của tiếng cười trong văn học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của thơ trào phúng

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của thơ trào phúng

**1.2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập, nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân sau khi đọc hiểu tác phẩm.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp và hợp tác; biết nhận xét ưu, khuyết điểm của bản thân và từng thành viên trong nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập và trong cuộc sống

**2. Về phẩm chất**

- Yêu nước: bồi dưỡng tinh thần yêu nước, tự hào về truyền thống quý báu của dân tộc.

- Nhân ái: có lối sống giản dị, khiêm nhường, biết ơn những anh hùng đã hi sinh cho dân tộc, đồng cảm với nỗi đau của nhân dân ta trong thời kì đất nước bị xâm lăng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. Tiến trình dạy học**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5 phút)**

**a. Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung:** GV hỏi, hs trả lời

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv cho học HS xem video những bài ca dao hài hước trào phúng . GV hỏi  Sau khi xem xong video em có cảm nhận gì về những bài ca dao trên ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS xem video và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>  GV chuẩn kiến thức:  Tiếng cười trào phúng với nhiều sắc thái và cung bậc khác nhau là một phần của đời sống. Tiếng cười đó được bật ra từ những phản ứng lành mạnh của con người trước cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa tồn tại xung quanh chúng ta. Nó góp phần thanh lọc cuộc sống theo cách ý vị, tinh tế và hướng chúng ta đến chân, thiện, mĩ. Vậy đến với bài học hôm nay chúng ta tìm hiểu thêm về bài ca dao trào phúng tiếp |  |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (30 phút)**

**I, Đọc – tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được những thông tin về văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **NV1 : Đọc giải thích từ khó**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv hướng dẫn cách đọc văn bản .  Chú ý cách đọc đối với thể loại ca dao trào phúng ta đọc với giọng dí dỏm , hài hước .  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV2 : Văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv đặt câu hỏi  -  *GV yêu cầu HS chia sẻ hiểu biết về ca dao ? thể loại , phương thức biểu đạt? Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc và trả lời câu hỏi  **Dự kiến trả lời câu hỏi :**  **- Thể loại : thơ 6 /8**  **- PTBĐ: Biểu cảm**  **- Bố cục : chia làm 3 phần**  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **I, Đọc – tìm hiểu chung**  **1, Đọc - giải thích từ khó**  **2, Văn bản**  **-** Ca dao là một thể thơ dân gian Việt Nam được truyền miệng dưới dạng lời thoại không theo một nhịp điệu cụ thể nào, thường được viết theo thể thơ lục bát để dễ nhớ. Ca dao bộc lộ tâm tình, tình cảm của người nói, người viết về đủ mọi đề tài trong cuộc sống.  - **Thể loại : Thơ 6/ 8**  **- PTBĐ: Biểu cảm**  **- Bố cục : 3 phần**  **P1 : Bài ca dao số 1 : Buổi lễ của ông thầy cúng**  **- P2 : Bài ca dao số 2 : Cuộc thăm viếng của mèo đến nhà chuột**  **- P3 : Bài ca dao số 3 : Việc thách cưới của nhà gái với anh học trò nghèo** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **NV 1 : Bài ca dao số 1 :**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv giao nhiệm vụ chia lớp thành 4 nhóm và trả lời câu hỏi . ( 5 ‘ )  **Nhóm 1 :** Bài ca dao dựng ngữ cảnh có âm thanh gì ? trong dịp nào gia đình chuẩn bị xôi gà mời thầy cúng . Qua đó em hình dung buổi lễ đó ra sao ?  **Nhóm 2** :  Bài ca dao số 1 nói về hoạt động nào của con người? Em căn cứ vào đâu để nhận biết điều đó?  **Nhóm 3 :**  Bài ca dao số 1 phê phán đối tượng nào? Tại sao đối tượng đó lại bị phê phán?  **Nhóm 4 :** Qua đó em có nhận xét gì về bài ca dao trên ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi  **Dự kiến trả lời :**  **Nhóm 1**: Bài ca dao dựng với ngữ cảnh của buổi lễ có âm thanh của chiêng , mõ , và các đồ lễ cúng như gà xôi và người thầy cúng . có thể hình dung một ông thầy cúng đang gõ chiêng , gõ mõ cúng thì ngoảnh mặt ra dặn gia chủ để dành đồ lễ cho mình  **Nhóm 2** : Bài ca dao số 1 nói về hoạt động của những người thầy bói rởm, hành nghề mê tín.  - Căn cứ vào: mở đầu câu ca dao, tác giả đã nói lên những chi tiết mê tín và hư ảo qua những từ láy của tiếng trống, tiếng chiêng " chập chập ", " cheng cheng ".  **Nhóm 3 :** Bài ca dao nói về người thầy bói . Vì người này khi lễ ko nhất tâm vào việc lễ mà chỉ để ý đến đồ ănlà xôi và gà . Mà gà là gà phải “ Con gà sống lớn ”, xôi “phải đơm cho đầy ” đĩa , lễ vật phải nhiều mới vừa lòng thầy cúng , và thầy mà “không ưa ” thì xem ra buổi lễ không linh ứng . Qua đó ta thấy thầy là người tham lam lừa bịp  **- Nhóm 4 :** Bài ca dao số 1 là những lời mỉa mai, châm biếm với những người bói toán, hành nghề mê tín dởm. Đó là những lời dụ dỗ, mê tín mang tính chất lừa người khác và chuộc lợi về bản thân của người được gọi là thầy bói. Qua đó, ta thấy rõ được sự mỉa mai, khinh bỉ và chế giễu của người xưa đối với những người hành nghề mê tín này. Không chỉ vậy, đây còn là lời cảnh báo và khuyên nhủ một số người tin vào những thứ mê tín như bài ca dao trên. Những đối tượng ấy đáng bị phê phán, lên án vì đây là một nghề lợi dụng vào tâm linh, tín ngưỡng để lừa tiền của một số đối tượng nhẹ dạ, cả tin.  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV 2 : Bài ca dao số 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chiếu bài ca dao số 2 lên và yêu cầu hs đọc bài ca dao và suy nghĩ trả lời câu hỏi  ? Trong bài ca dao nhắc đến 2 con vật đó là con vật nào ?  ? Bài ca dao số 2 tạo dựng sự tương phản , đối nghịch dựa trên yếu tố nào ?  ? Bài ca dao thể hiện tính cách gì của mèo và mối quan hệ như thế nào giữa mèo và chuột ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc và suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi  **Dự kiến trả lời câu hỏi :**  **-** 2 con vật được nhắc đến trong bài ca dao số 2 đó là mèo và chuột  **-**Bài ca dao số 2 tạo dựng sự tương phản, đối nghịch dựa trên yếu tố: mèo và chuột.  - Mối quan hệ giữa mèo với chuột: Mèo là kẻ thù truyền kiếp, không đội trời chung với chuột, có tập tính bắt chuột để ăn thịt. Quan hệ giữa chúng là mối quan hệ loại trừ.  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **NV3: Bài ca dao số 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv đặt câu hỏi  ? Trong bài ca dao số 3 đó là cuộc trò chuyện của ai ? cuộc trò chuyện nói về nội dung gì ?  ? Bài ca dao số 3, anh học trò đem bán những thứ gì để có tiền dẫn cưới? Hãy nhận xét về đồ dẫn cưới của anh học trò nghèo. Có thể có những điều này trong thực tế không?  ? Bài ca dao số 3 lên án hủ tục gì? Cách lên án có tạo ra sự căng thẳng không? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc và trả lời câu hỏi  **Dự kiến trả lời câu hỏi :**  **1, -** Cuộc trò chuyện của chàng trai và cô gái  Nói về việc thách cưới  2, - Ở bài ca dao số 3, anh học trò đem bán bể, bán sông để có tiền dẫn cưới.  - Đồ dẫn cưới của anh học trò nghèo: trăm tám ông sao, trăm tấm lụa đào, một trăm con trâu, một nghìn con lợn, bồ câu tám nghìn, tám vạn quan tiền, một chĩnh vàng hoa, mười chum vàng cốm bạc, ba chum mật ong, mười thúng mỡ muỗi.  = > Những điều này phi thực tế, là cách anh học trò nghèo chế giễu cô gái khi thách cưới.  3, Bài ca dao số 3 lên án hủ tục thách cưới trong xã hội xưa. Cách lên án này có phần hài hước, dí dỏm. Anh học trò này thật lém lỉnh và táo bạo, anh không thương lượng giảm bớt mà lại tỏ ra bình thản đến lạ lùng. Và thậm chí lễ vật của anh còn có vẻ vượt mấy lần yêu cầu của cô gái đề ra. Nếu như cô gái thách "hai mươi tám", "chín mươi chín" ông sao thì anh lại dẫn tới "trăm tám ông sao trên trời". Vì tình yêu, anh không sợ, không để những lễ vật đó trở thành rào cản anh đến với cô gái và có lẽ cũng hiểu tâm lí của cô gái mà chàng trai cũng đáp lại như thế cho thỏa tấm lòng của cô. Việc dẫn hơn số lễ vật mà cô gái yêu cầu cũng thể hiện sự trân trọng của chàng trai đối với phẩm giá của cô gái và sự đồng cảm của anh đối với người yêu như thế nào.  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức:  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:***?**Nêu những đặc sắc nội dung và nghệ thuật của truyện?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **II, Khám phá văn bản**  **1, Bài ca dao số 1 :**  Bài ca dao trên là những lời mỉa mai, châm biếm với những người bói toán dởm. Đó là những lời dụ dỗ, mê tín mang tính chất lừa người và chuộc lợi về bản thân của tên thầy bói. Không chỉ thế, đó còn là lời cảnh báo và khuyên nhủ những người tin vào những thứ mê tín như trong bài ca dao.  **2. Bài ca dao số 2:**  - Sự tương phản, đối nghịch dựa trên hai sự vật: mèo - chuột.  - Bài ca dao phản ánh sự giả tạo của con mèo và sự khôn ngoan của chú chuột. Ý hàm ngôn là trong xã hội còn kẻ mạnh ức hiếp người yếu và kẻ mạnh thường nguỵ trang tinh vi bằng bộ mặt giả nhân giả nghĩa.  **3, Bài ca dao số 3**  - Lên án hủ tục thách cưới trong xã hôi xưa . Nhiêu người không lấy được vợ , nhiếu đôi lứa không thành vợ thành chồng do bi ngăn cản bởi hủ tục này .  - Mục đích phê phán hủ tục nhưng không gây căng thẳng mà lai đem đến tiếng cười cho người thưởng thức do sử dụng  - Thủ pháp phóng đại nói quá. Phóng đại cả khả năng múc do , số lượng . Tiếng cười còn toát lên sự liệt kê tưởng như không đủ số lễ vật.  - Dấu ba chấm kết thúc bài ca dao để ngộ khả năng diễn tiếp các lễ vật khác  **III, Tổng kết**  **1, Nội dung :**  **-** Bài học trong cuộc sống lên án thói mê tín dị đoan , sự đối nghịch giả tạo , thủ tục thách cưới được thể hiện trong bài ca dao kết hợp với giọng điệu ngôn ngữ tạo nên tiếng cười trong ca dao  **2, Nghệ thuật :**  -Sử dụng biện pháp phóng đại nói quá phóng đại khả năng , mức độ , số lượng  liệt kê , đối lập tương phản , giọng điệu ngôn từ hài hước |

**III. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:*

***Câu 1 : Bài ca dao số 1 lên án thủ tục gì ?***

1. *Thách cưới*
2. *Mê tín dị đoan*

***Câu 2 : Biện pháp chủ yếu trong ca dao số 3 là gì ?***

1. ***Ẩn dụ và kịch tính***
2. *Gắn với hiện thực*
3. *Phóng đại nói quá*
4. *Tưởn tượng kì ảo*

***Câu 3 : Điền vào chỗ trống những câu ca dao sau :***

1. *Chồng người bể Sở sông Ngô*

*Chồng em ............, rang ngô ...............*

1. *Làm trai cho đáng nên trai*

*Vót đũa cho dài ,................ cơm con*

1. *Ăn no rồi lại ...........................*

*Nghe giục trống chèo , ................. đi xem .*

1. *Lỗ mũi mười tám .........*

*Chồng yêu chồng bảo ...............*

*Đêm nằm thì gáy o o*

*Chồng yêu chồng bảo .............vui nhà*

*Đáp án : Câu 1 : B*

*Câu 2 : C*

*Câu 3 :*

1. *ngồi bếp , cháy quần*
2. *ăn vụng*
3. *nằm khèo , bế bụng*
4. *gánh lông, râu rồng trời cho , gáy cho .*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Nêu ngắn gọn cảm nhận về lời thách cưới của cô gái : “ Nhà em thách cưới một nhà khoai lang ”